

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/DS-PT

Ngày: 08/11/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị U Mẫn

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Văn Linh

Bà Đặng Thị Bích Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hy Len - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Đinh Văn L, sinh năm: 1966

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Trần Thị N, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Ấp Hỏa Vàm A, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018).

**2. Bị đơn:** Ông Đinh Văn U, sinh năm 1969 và bà Tống Thị T, sinh năm: 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp Hỏa Vàm A, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà của T – Ông Đinh Văn U, sinh năm: 1969 (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Đinh Văn U; Ông Phan Thanh H, Luật sư của văn phòng phòng luật sư Phạm Văn C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Hỏa Vàm A, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N; Ông Nguyễn D, Luật sư của văn phòng luật sư Ngọc D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị N, sinh năm: 1962.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

(Ông U, bà N, Luật sư H và Luật sư D có mặt tại phiên tòa)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn ông Đinh Văn L và người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị N trình bày:*

Ngày 20/4/2011 (âm lịch), ông Đinh Văn U hỏi vay của vợ chồng ông Đinh Văn L, bà Trần Thị N 10 chỉ vàng 24k. Bà N đưa vàng cho ông L đi bán tại Chợ Xẻo Đước 2, nhưng do thời gian quá lâu nên ông L không nhớ bán được bao nhiêu tiền. Sau khi bán vàng xong, ông L cùng với ông Nguyễn Minh T (con rể ông U) đem tiền đưa cho ông U tại Ngã ba Minh Lương. Khoảng 03-04 ngày sau ông U đến nhà ông L, bà N vay thêm 06 chỉ vàng 24k, không có mặt ông L ở nhà, bà N đã đưa vàng cho ông U. Chiều cùng ngày ông L và ông U viết biên nhận nợ tổng cộng là 16 chỉ vàng 24k và thỏa thuận lãi suất là 80.000 đồng/chỉ/tháng.

Từ ngày 20/4/2011 đến tháng 8/2014 âm lịch, ông U và bà T trả cho ông L 49.820.000 đồng tiền lãi, giao tiền cho bà Trần Thị N. Tiền lãi từ tháng 9/2014 âm lịch đến tháng 7/2015 âm lịch là 12.800.000 đồng, ông U và bà T chưa trả cho ông L. Do ông U và bà T không đóng lãi và không trả nợ gốc nên ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông U, bà T trả 16 (mười sáu) chỉ vàng 24k, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trình bày:*

Ông Đinh Văn U thừa nhận ngày 20/4/2011 (âm lịch) có hỏi vay ông Đinh Văn L 10 (mười) chỉ vàng 24k, lãi suất 80.000 đồng/tháng/chỉ. Ông U cam kết đến tháng 9 năm 2011 trả đủ vốn và lãi cho ông L xây cất nhà. Do ông U chạy đồng Vịt ở Minh Lương không về nhà được, nên ông L bán vàng rồi đem tiền đưa cho ông U tại Minh Lương số tiền là 42.000.000 đồng.

Tháng 7/2011 âm lịch ông U vay ông L 01 chỉ vàng 24k, 04 ngày sau ông U trả nợ gốc và lãi nhưng ông L chỉ lấy vốn, không tính lãi.

Đến ngày 24/9/2011 âm lịch, ông U đến nhà ông L trả đủ cho bà N 10 (mười) chỉ vàng gốc và tiền lãi 05 tháng 04 ngày là 4.080.000 đồng, lúc trả không

có ông L ở nhà. Ông U kêu bà N xóa tên ông U trong sổ nợ thì bà N nói chị, em với nhau không lẽ ông U trả rồi mà bà N lại đòi nữa.

Ông U xác định không có vay thêm 06 (sáu) chỉ vàng 24k như lời bà N trình bày. Chữ ký “U” trong biên nhận nợ ngày 20/4/2011 âm lịch do ông L cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của ông U. Vì ông U với ông L là anh em ruột nên khi cho vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có làm biên nhận nợ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang tuyên xử:*

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn L về việc buộc vợ chồng ông Đinh Văn U, bà Tống Thị T trả 16 (mười sáu) chỉ vàng 24k.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

*Ngày 30 tháng 7 năm 2018, bà Trần Thị N có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang, với nội dung sau:* Điều tra lại sự việc chứng thực ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T vay 16 chỉ vàng của vợ chồng ông Đinh Văn L và bà Trần Thị N. Buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trả cho ông Đinh Văn L và bà Trần Thị N 16 chỉ vàng 24k.

*Ngày 01 tháng 8 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 45/KNPT-DS kháng nghị bản án sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện U với nội dung:* Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trả cho ông Đinh Văn L 10 chỉ vàng 24k.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bà Trần Thị N giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Văn U, bà Tống Thị T trả cho vợ chồng bà tổng cộng là 16 chỉ vàng 24k, ký hiệu loại vàng 9999.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị N đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trả cho bà N và ông Đinh Văn L 16 chỉ vàng 24K loại vàng 9999.

Ông Đinh Văn U không đồng ý kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện U và kháng cáo của bà Trần Thị N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đinh Văn U đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N, về việc buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trả cho bà N và ông Đinh Văn L 16 chỉ vàng 24K loại

vàng 9999, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện U về việc buộc ông U và bà T trả cho ông L 10 chỉ vàng 24K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: các đương sự, thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện U và chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trả cho ông Đinh Văn L 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị N đại diện cho nguyên đơn Đinh Văn L, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T phải trả cho vợ chồng ông L, bà N 16 chỉ vàng 24K, không yêu cầu xem xét lãi suất, xét thấy:

Bà N xác định ngày 20/4/2011 (âm lịch), ông L cho ông U vay 10 chỉ vàng 24k, khoảng 03 - 04 ngày sau ông U hỏi vay thêm 06 chỉ vàng 24k và viết có “giấy hỏi vàng” đề ngày 20/4/2011 ghi chung là 16 chỉ vàng 24K để xác nhận nợ. Hai bên thỏa thuận lãi suất 80.000 đồng/chỉ/tháng. Số vàng nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà N. Đồng thời, bà N xác định loại vàng bà đưa ông L để cho ông U vay là loại vàng nhẫn 24K ký hiệu 9999.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T thừa nhận ngày 20/4/2011 (âm lịch) đã vay 10 chỉ vàng 24k của ông L và thỏa thuận lãi suất như ông L, bà N trình bày; nhưng ông U cho rằng đến ngày 24/9/2011 (âm lịch) ông đã trả đủ cho bà N 10 (mười) chỉ vàng 24K và tiền lãi là 4.080.000 đồng; ông U và bà T đều không thừa nhận có vay thêm 06 chỉ vàng 24k của bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận việc ông U có vay của ông L 10 chỉ vàng 24K, số vàng trên là tài sản chung của vợ chồng ông L và bà N, ông U vay nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nên xác định là nợ chung của vợ chồng ông U và bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, hội đồng xét xử nhận định tình tiết vợ chồng ông U, bà T có vay của vợ chồng ông L, bà N 10 (Mười) chỉ vàng 24K là tình tiết rõ ràng, được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

Tuy nhiên, bị đơn Đinh Văn U đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng Thị T phản đối cho rằng đã trả cho ông L, bà N 10 chỉ vàng 24K và tiền lãi là 4.080.000 đồng (Ông U là người trả, bà N là người nhận). Tại khoản 3 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”* và theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định trường hợp đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ có trong hồ sơ. Tuy nhiên, ông L và bà N không thừa nhận việc ông U, bà Tăng đã trả 10 (Mười) chỉ vàng 24K và ông U, bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả vàng cho ông L, bà N,

Do đó, căn cứ vào Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, xét thấy kháng cáo của bà N về việc buộc ông U, bà T trả cho ông L và bà N 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999 là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà N về việc buộc ông U, bà T có nghĩa vụ trả 06 chỉ vàng 24K, loại vàng 9999 (Vay lần hai) và chứng cứ bà N cung cấp là “giấy hỏi vàng” ngày 20/4/2011; tuy nhiên, ông U không thừa nhận chữ ký tên “U” trong “giấy hỏi vàng”. Tại Kết luận giám định số 428/Kl-KTHS ngày 21/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận chữ ký mang tên Đinh Văn U trên tài liệu cần giám định “giấy hỏi vàng” ngày 20/4/2011 so với chữ ký của ông Đinh Văn U trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một người ký ra. Tại phiên tòa sơ thẩm bà N không có ý kiến gì với kết luận của cơ quan chuyên môn và không yêu cầu giám định lại. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N không đưa được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc ông U có vay thêm 6 chỉ vàng 24k của nguyên đơn. Do đó, kháng cáo của bà N yêu cầu ông U, bà T trả thêm 06 chỉ vàng 24k vay lần hai theo “giấy hỏi vàng” là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về lãi suất, do các bên đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của bà N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang, buộc ông Đinh Văn U và bà Tổng Thị T trả cho ông Đinh Văn L và bà Trần Thị N 10 chỉ vàng 24k loại vàng 9999; không chấp nhận yêu cầu của bà N, ông L buộc ông U và bà T trả cho ông L, bà N 06 chỉ vàng 24k.

[4] Về án phí: Các đương sự thống nhất giá vàng 24K là 3.443.000 đồng/chỉ để tính án phí, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông U và bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với 10 chỉ vàng 24K bị buộc trả cho ông L, bà N là  $(3.443.000 \text{ đồng/chỉ} \times 10 \text{ chỉ vàng 24k}) \times 5\% = 1.721.500 \text{ đồng}$ . Ông L phải chịu án phí có giá ngạch đối với 6 chỉ vàng 24K không được chấp nhận, với số tiền là  $(3.443.000 \text{ đồng/chỉ} \times 6 \text{ chỉ vàng 24k}) \times 5\% = 1.032.900 \text{ đồng}$ , khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông L đã nộp, hoàn trả cho ông L 367.100 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu, được hoàn trả tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[5] Về chi phí giám định: Ông L phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 2.955.000 đồng (Ông L đã nộp xong).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang và một phần kháng cáo của bà Trần Thị N.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang.

#### **Xử:**

1. Buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Văn L và bà Trần Thị N 10 (mười) chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Không chấp chấp yêu cầu của ông Đinh Văn L về việc buộc ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T trả 06 (sáu) chỉ vàng 24k.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Đinh Văn U và bà Tống Thị T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 1.721.500 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng). Ông Đinh Văn L phải nộp án phí có giá ngạch là 1.032.900 đồng (Một triệu không trăm ba mươi hai nghìn chín trăm đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0006847 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang; hoàn trả cho ông L số tiền 367.100 đồng (Ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

*Án phí dân sự phúc thẩm:* Hoàn trả cho bà Trần Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004224 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

3. Chi phí giám định: Ông Đinh Văn L phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 2.955.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự án dân sự sửa đổi, bổ sung, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**\* Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U;
- THA dân sự huyện U;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị U Mẫn**